TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-ST
Ngày: 25/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thao; Ông Nguyễn Đình Thu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.

-***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Trịnh Hà Chi - Thư ký Tòa án.

Ngày 25 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2026/TLST-DS ngày 11/5/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh ngày 24/01/1975, CCCD số 030075000587, cấp ngày 22/6/2023; Địa chỉ: Thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/9/1966, CCCD số 030066018110, cấp ngày 12/8/2021; Địa chỉ: Thôn B (trước là thôn B), xã C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:

Ông và ông T1 có quan hệ quen biết, ngày 21/11/2022 và 22/11/2022, ông cho ông T1 vay số tiền 1.000.000.000đ, ông T1 hẹn trong thời hạn 1 tuần sẽ trả, ông chuyển tiền qua tài khoản cho ông T1 nên không viết giấy biên nhận vay tiền. Sau đó ông T1 đã trả được 500.000.000đ, còn nợ 500.000.000đ ông T1 hứa

sẽ trả sau. Đến ngày 18/04/2023 ông T1 đã viết giấy vay tiền có nội dung ông T1 có vay ông số tiền 500.000.000đ, hẹn trả mỗi tháng trả 100.000.000đ vào ngày 18 hàng tháng, chậm nhất ngày 18/9/2023 hoàn thành trả đủ. Sau đó ông T1 trả được 100.000.000đ vào các ngày 30/5/2023, 01/8/2023, còn nợ 400.000.000đ. Ông đã nhiều lần gặp, yêu cầu ông T1 phải trả nợ nhưng ông T1 vẫn không trả. Do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc 400.000.000đ và phải trả tiền lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo lãi suất 0,8%/tháng, kể từ tháng 19/9/2023 cho đến khi xét xử, trên số tiền nợ gốc 400.000.000đ và phải tiếp tục trả lãi theo quy định cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Theo biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ông có nhu cầu vay tiền để kinh doanh nên có hỏi vay tiền ông T, ông T nhất trí. Ngày 21/11/2022 ông T chuyển cho ông vay số tiền 400.000.000đ, đến ngày 22/11/2022 ông T chuyển cho ông vay số tiền 600.000.000đ, tổng bằng 1.000.000.000đ. Sau đó do việc làm ăn của ông bị thua lỗ nên ông mới trả được cho ông T 500.000.000đ, còn nợ lại 500.000.000đ. Đến ngày 18/4/2023 ông và ông T đã chốt số tiền ông còn nợ là 500.000.000đ, ông viết giấy cam kết với ông T mỗi tháng sẽ trả 100.000.000đ, chậm nhất là ngày 18/9/2023 thì sẽ trả xong toàn bộ số tiền còn nợ. Sau đó ông đã trả cho ông T được 2 lần: ngày 30/5/2023 trả 50.000.000đ, ngày 1/8/2023 trả 50.000.000đ, thông qua chuyển khoản tại ngân hàng N. Đến nay ông xác định còn nợ ông T 400.000.000đ, nhưng do khả năng kinh tế nên ông chưa thể trả được. Đề nghị ông T cho ông thời gian để ông thu xếp trả dần. Còn đối với tiền lãi đề nghị ông T không yêu cầu vì hiện nay ông không có khả năng kinh tế để trả khoản tiền lãi đó. Số tiền ông vay của ông T là do một mình ông vay sau đó ông cho người khác vay lại nên không liên quan gì đến vợ mình.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày, yêu cầu ông T1 phải trả cho ông tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 19/9/2023, theo mức lãi suất 0,8%/tháng.

Bị đơn giữ nguyên các quan điểm đã trình bày: Thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ ông T là 400.000.0000đ, đề nghị ông T cho ông trả dần tiền gốc, tiền lãi đề nghị ông T miễn toàn bộ tiền lãi, nếu không được thì giảm mức lãi yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ,

người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 117, 351, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông T số tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 19/9/2023, theo mức lãi suất 0,8%/tháng. Về án phí ông T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn ông Phạm Minh T, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày thống nhất, phù hợp với tài liệu là giấy vay tiền ghi ngày 18/4/2023. Có đủ cở sở xác định vào ngày 21/11/2022 và ngày 22/11/2022 giữa ông T, ông T1 đã xác lập giao dịch tài tài sản là tiền. Tính đến ngày 18/4/2023 ông T1 còn còn nợ ông T số tiền gốc là 500.000.000đ, hai bên đã chốt số tiền còn nợ và thống nhất ông T1 trả cho ông T mỗi tháng 100.000.000đ vào ngày 18 hàng tháng, chậm nhất ngày 18/9/2023 sẽ trả đủ tiền (Theo giấy vay tiền ghi ngày 18/4/2023). Xét việc giao kết hợp đồng giữa hai bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117, 463 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau ngày 18/9/2023 ông T1 đã trả được cho ông T số tiền 100.000.000đ, còn nợ 400.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Ông T yêu cầu ông T1 phải trả toàn bộ số tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Ông T1 đề nghị ông T cho ông trả dần, ông T không chấp nhận. Do đó không chấp nhận đề nghị của ông T1.

Về tiền lãi: Ông T trình bày khi cho vay thì hai bên không thỏa thuận rõ về tiền lãi, chỉ nói lãi sẽ tính theo lãi ngân hàng. Ông T1 xác định khi cho vay hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Do đó xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông T, ông T1 không thỏa thuận về trả lãi. Theo giấy vay tiền ngày 18/4/2023 hai bên đã thỏa thuận thời hạn trả tiền nợ gốc chậm nhất vào ngày 18/9/2023. Nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa trả hết số tiền gốc còn nợ ông T như vậy đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định " *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được các định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá lãi suất theo quy định tại Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468*". Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 (không vượt quá 20%). Như vậy ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi do chậm trả tiền theo mức lãi suất 0,8%/tháng là phù hợp, không vượt quá quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian chậm trả tính ngày 19/9/2023 đến ngày xét xử hôm nay là 34 tháng 6 ngày. Do đó buộc ông T1 phải trả cho ông T tiền lãi tính đến ngày xét xử là 109.440.000đ.

[2]. Về án phí:

- Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 117, 351, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông Phạm Minh T số tiền nợ gốc là 400.000.000đ và tiền lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 19/9/2023 đến ngày xét xử 25/7/2026 là 109.440.000đ. Tổng bằng 509.440.000đ (*Năm trăm linh chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu lãi với số tiền phải thi hành, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 24.377.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000đ theo biên lai thu số 0005551 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12, Hải Phòng;
- Đương sự;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy